

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

ÂN DỤ Ý NIỆM TRONG PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM TẠI KỲ HỌP THỨ 8, QUỐC HỘI KHÓA XV NĂM 2024 KIỀU THỊ THU HƯƠNG*

TÓM TẮT: Nghiên cứu này khám phá vai trò của ẩn dụ ý niệm trong diễn ngôn chính trị thông qua việc phân tích bài phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV năm 2024. Áp dụng phương pháp phân tích diễn ngôn dựa trên Lý thuyết Ẩn dụ ý niệm, nghiên cứu đã nhận diện và phân tích các ẩn dụ thời gian phức tạp chủ đạo như THỜI GIAN LÀ CON ĐƯỜNG VÀ CHÚNG TA DI CHUYỂN THEO NÓ/ THỜI GIAN LÀ VẬT THỂ CHUYỂN ĐỘNG và các ẩn dụ phức tạp liên quan đến các hệ thống trừu tượng phức tạp như HỆ THỐNG TRỪU TƯỢNG PHỨC TẠP LÀ TÒA NHÀ/ CƠ THỂ NGƯỜI/ CÂY CỐI/ CỖ MÁY¹. Nghiên cứu đặc biệt nhấn mạnh dấu ấn văn hóa Việt Nam với hình tượng Rồng và Thánh Gióng khi phân tích cụm từ “ki nguyên mới, ki nguyên vươn mình của dân tộc”. Các ẩn dụ trong bài phát biểu không chỉ giúp đơn giản hóa các ý niệm trừu tượng mà còn thực hiện hiệu quả chức năng thuyết phục và định hướng chính sách. Nghiên cứu góp phần làm sâu sắc thêm hiểu biết về vai trò của ẩn dụ trong diễn ngôn chính trị Việt Nam.

TỪ KHÓA: ẩn dụ ý niệm; dấu ấn văn hóa Việt Nam; diễn ngôn chính trị; định hướng chính sách.

NHẬN BÀI: 01/07/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 18/07/2025

1. Dẫn nhập

Diễn ngôn chính trị không chỉ phản ánh hiện thực mà còn định hình nhận thức, xây dựng sự đồng thuận và định hướng chính sách. Các nhà lãnh đạo không chỉ trình bày thông tin thông qua diễn ngôn mà còn kiến tạo một cách hiểu về thế giới, về các vấn đề trong và ngoài nước, và về vị trí của quốc gia trong bức tranh chung. Tại Việt Nam, bài phát biểu của các Lãnh đạo cấp cao, đặc biệt là Tổng Bí thư (TBT), luôn mang ý nghĩa định hướng chiến lược. Những bài phát biểu này không chỉ là văn bản chính trị mà còn là những tài liệu ngôn ngữ giàu ý nghĩa, chứa đựng những lớp ẩn dụ sâu sắc, phản ánh tư duy, quan điểm và định hướng của Đảng và Nhà nước đối với sự phát triển của đất nước. Phân tích diễn ngôn thông qua lăng kính của Lý thuyết Ẩn dụ ý niệm (Conceptual Metaphor Theory - CMT), là một hướng nghiên cứu cần thiết để giải mã các thông điệp, làm rõ các khung nhận thức và hiểu được cách ngôn ngữ góp phần vào việc định hướng dư luận, xây dựng sự đồng thuận xã hội, và thúc đẩy các mục tiêu phát triển quốc gia.

Phát biểu của TBT Tô Lâm tại phiên Khai mạc Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV ngày 21/10/2024 là một bài phát biểu quan trọng, mang thông điệp về định hướng và tầm nhìn cho đất nước. Sự kiện này diễn ra trong bối cảnh ông vừa nhận thêm trọng trách TBT sau khi được bầu giữ chức Chủ tịch nước. Với vị thế là người đứng đầu Đảng và Nhà nước, Phát biểu của ông là chỉ đạo và định hướng chiến lược cho toàn bộ hệ thống chính trị và xã hội Việt Nam trong bối cảnh đất nước đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức mới. Thông qua ẩn dụ, các ý niệm trừu tượng, phức tạp về quản lý nhà nước, kinh tế vĩ mô, hay quan hệ quốc tế trở nên dễ hiểu, gần gũi và có sức thuyết phục. Do đó, việc phân tích bài phát biểu của TBT Tô Lâm bằng khung CMT góp phần làm giàu thêm các bằng chứng thực nghiệm, củng cố và mở rộng phạm vi ứng dụng của CMT trong ngữ liệu tiếng Việt, đặc biệt là trong một loại hình diễn ngôn mang tính định hướng cao như phát biểu chính trị cấp quốc gia.

Mục đích của nghiên cứu là tìm ra các ẩn dụ ý niệm và cách chúng được biểu đạt trong Phát biểu của TBT Tô Lâm đồng thời phát hiện vai trò của ẩn dụ ý niệm trong diễn ngôn chính trị nói chung. Cụ thể là: (i) Tìm ra các ẩn dụ ý niệm phức tạp chủ đạo và cách chúng được biểu đạt trong Phát biểu của TBT Tô Lâm ngày 21/10/2024; (ii) Xác định chức năng của ẩn dụ ý niệm trong bài phát biểu để làm rõ vai trò của ẩn dụ ý niệm trong diễn ngôn chính trị nói chung.

*PGS.TS; Học viện Ngoại giao; Email: thuhuongkieu@yahoo.com

Bằng cách phân tích các ẩn dụ ý niệm trong bài phát biểu của TBT Tô Lâm, nghiên cứu hướng tới việc khám phá cách các ý niệm trừu tượng được biểu đạt thông qua các ẩn dụ phức tạp chủ đạo liên quan đến thời gian và các hệ thống trừu tượng phức tạp. Đồng thời, nghiên cứu làm rõ chức năng của các ẩn dụ này trong việc chỉ đạo, định hướng chính sách, và ảnh hưởng đến công chúng. Việc làm sáng tỏ những điều này không chỉ đóng góp cho lý thuyết về ẩn dụ trong diễn ngôn chính trị, đặc biệt trong bối cảnh văn hóa Việt Nam, mà còn mang lại giá trị thực tiễn cho những người làm công tác truyền thông và soạn thảo diễn văn.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Lý thuyết Ẩn dụ ý niệm

Lý thuyết Ẩn dụ ý niệm (CMT) đánh dấu bước ngoặt trong nghiên cứu ngôn ngữ và nhận thức, khẳng định ẩn dụ rất phổ biến trong ngôn ngữ hàng ngày của chúng ta và là một cơ chế nhận thức cơ bản, định hình cách chúng ta tư duy, hiểu và tương tác với thế giới. Trước CMT, ẩn dụ chỉ là quan tâm ngoại vi khi chúng ta tìm hiểu bản thân và thế giới và rất ít được dùng trong ngôn ngữ hàng ngày. Hầu hết các quan điểm truyền thống đều xem ẩn dụ là một công cụ tu từ thuần túy, có tính trang trí và có thể loại bỏ mà không làm mất đi nội dung cốt lõi của thông điệp. Tuy nhiên, Lakoff và Johnson (1980) đã chỉ ra rằng hệ thống ý niệm giúp con người tư duy và hành động mang tính ẩn dụ sâu sắc: “Hệ thống ý niệm thông thường của chúng ta, theo đó chúng ta vừa suy nghĩ vừa hành động, về cơ bản có bản chất ẩn dụ” (Lakoff & Johnson, 1980, tr.3). Hai tác giả khẳng định chính ẩn dụ đã cấu trúc ngôn ngữ của chúng ta thông qua việc cấu trúc các ý niệm và hành động của chúng ta: “Ý niệm được cấu trúc theo ẩn dụ, hoạt động được cấu trúc theo ẩn dụ và do đó, ngôn ngữ được cấu trúc theo ẩn dụ” (Lakoff & Johnson, 1980, tr.5).

2.1.1. Các ý niệm và quan hệ cơ bản

Các ý niệm cốt lõi của CMT bao gồm miền nguồn, miền đích và ánh xạ. *Miền nguồn* là miền ý niệm cụ thể, quen thuộc, thường là từ kinh nghiệm vật lý của chúng ta, có cấu trúc rõ ràng hơn. Ngược lại, *miền đích* là miền ý niệm trừu tượng, phức tạp hơn, mà chúng ta cố gắng hiểu hoặc cấu trúc: “Miền ý niệm mà từ đó chúng ta rút ra các biểu thức ẩn dụ để hiểu một miền ý niệm khác được gọi là miền nguồn, trong khi miền ý niệm được hiểu theo cách này là miền đích” [Kövecses, 2002, tr.4]. *Ánh xạ* là quá trình các yếu tố, các thuộc tính, và các mối quan hệ từ một miền ý niệm cụ thể (miền nguồn) được chiếu xạ một cách có hệ thống sang một miền ý niệm trừu tượng (miền đích). Nói cách khác, ánh xạ giúp các ý niệm của miền đích (A) được hiểu theo các ý niệm của miền nguồn (B) thông qua một tập hợp các ánh xạ có hệ thống của các tương ứng ý niệm “...giữa miền nguồn và miền đích theo nghĩa là các yếu tố ý niệm cấu thành của B tương ứng với các yếu tố cấu thành của A” (Kövecses, 2002, tr.4).

Tính hệ thống cho thấy một ẩn dụ ý niệm không chỉ bao gồm một ánh xạ đơn lẻ mà là một tập hợp các ánh xạ liên quan, tạo thành một hệ thống chặt chẽ, tạo ra một loạt các biểu hiện ngôn ngữ đa dạng. Tuy nhiên, Lakoff & Johnson (1980) cho rằng tính hệ thống thường đi với *tính bộ phận*, hàm ý không phải tất cả các khía cạnh của miền nguồn đều được ánh xạ sang miền đích. Ánh xạ trong CMT mang tính định hướng và có chọn lọc, tức là thông tin chỉ được chuyển theo một chiều, từ miền nguồn sang miền đích, và chỉ những khía cạnh phù hợp của miền nguồn mới được ánh xạ vào miền đích; Kövecses (2002, tr.11) cho rằng “...ánh xạ có thể và chỉ là một phần. Chỉ một phần của B được ánh xạ vào một phần của A.”.

Có ba tiêu chí phân loại ẩn dụ: (i) *Tính phổ quát* gợi ý ẩn dụ bắt nguồn từ kinh nghiệm cơ thể chung của con người và xuất hiện rộng rãi trong nhiều nền văn hóa: “tính (gần) phổ quát của chúng phát sinh từ các khía cạnh phổ quát của cơ thể con người.” (Kövecses, 2002, tr.164); (ii) *Tính biến thể* của ẩn dụ là kết quả của những khác biệt về môi trường, lịch sử, hay hệ thống giá trị trong cách cùng một ẩn dụ được nhận thức và sử dụng. Theo Kövecses (2002), tính biến thể làm nổi bật sự linh hoạt của hệ thống ẩn dụ trong việc thích nghi với các kinh nghiệm và bối cảnh văn hóa cụ thể, chứ không làm mất đi tính phổ quát của ẩn dụ; (iii) *Tính văn hóa*, ngụ ý ẩn dụ là đặc thù của một nền văn hóa nhất định, phản ánh những kinh nghiệm lịch sử, giá trị xã hội, hoặc tập quán riêng của văn hóa đó: “...đời sống nội tâm của một người là một hiện tượng rất khó nắm bắt và do đó có vẻ phụ thuộc rất nhiều vào văn hóa và ngôn

ngữ, nên... có rất nhiều sự khác biệt đáng kể về văn hóa trong một ẩn dụ như vậy.” (Kövecses, 2010, tr.198). Việc phân tích ẩn dụ dựa trên các tiêu chí này giúp nhận diện các cấu trúc nhận thức, mối quan hệ phức tạp giữa ngôn ngữ, tư duy và bối cảnh văn hóa, xã hội.

2.1.2. Phân loại ẩn dụ ý niệm

Lakoff và Johnson (1980) phân loại ẩn dụ thành ba nhóm chính:

(i) *Ẩn dụ cấu trúc* cho phép hiểu và cấu trúc một ý niệm trừu tượng và phức tạp (miền đích) một cách có hệ thống dựa trên một ý niệm cụ thể hơn, dễ hiểu hơn (miền nguồn). Ngoài các đặc điểm riêng lẻ, miền nguồn còn cung cấp toàn bộ cấu trúc logic, quan hệ và các thuộc tính liên quan để chúng ta hình dung và tương tác với miền đích.

(ii) *Ẩn dụ bản thể học* giúp chúng ta nhận thức các ý niệm trừu tượng, không xác định, hoặc không phải là vật thể như thể chúng là những thực thể vật lý, chất liệu, hoặc vật chứa riêng biệt. Bằng cách gán cho các ý niệm phi vật chất những đặc tính của vật thể hữu hình, chúng ta có thể tương tác với chúng trong tư duy theo những cách cụ thể hơn, từ đó dễ dàng tham chiếu, phân loại và hiểu được bản chất tồn tại của chúng.

(iii) *Ẩn dụ định hướng* tổ chức toàn bộ một hệ thống ý niệm theo các mối quan hệ không gian, thường dựa trên các cặp đối lập cơ bản con người trải nghiệm trong cuộc sống hàng ngày (ví dụ: lên/xuống, trong/ngoài, trước/sau, gần/xa, nóng/lạnh). Các ẩn dụ này không xác định một ý niệm dựa trên một ý niệm khác, mà sắp xếp toàn bộ tập hợp các ý niệm liên quan trong không gian, mang ý nghĩa tích cực hoặc tiêu cực dựa trên kinh nghiệm vật lý của con người.

Phân biệt và giải thích sâu hơn về cấu trúc của ẩn dụ, đặc biệt là quan hệ giữa ẩn dụ đơn giản và ẩn dụ phức tạp, Kövecses (2002, tr.118) cho rằng “ẩn dụ đơn giản cấu thành các phép ánh xạ trong ẩn dụ phức tạp”. Nói cách khác, *ẩn dụ đơn giản* là những ánh xạ cơ bản, sơ khai, làm nền tảng để tạo nên các ẩn dụ phức tạp đa chiều và sâu sắc hơn. Bắt nguồn từ kinh nghiệm về việc quản lý tài nguyên hữu hình là tiền bạc, ẩn dụ đơn giản THỜI GIAN LÀ TIỀN BẠC (Lakoff & Johnson, 1980, tr.8) cho phép chúng ta nói về “tiết kiệm thời gian”, “lãng phí thời gian,” hoặc “đầu tư thời gian”. Tương tự, THỜI GIAN LÀ TÀI NGUYÊN (HẠN CHẾ) và THỜI GIAN LÀ HÀNG HÓA (CÓ GIÁ TRỊ) (Lakoff & Johnson, 1980, tr.8) cũng là những ẩn dụ cơ bản, hình thành từ kinh nghiệm trực tiếp của chúng ta với những ý niệm này trong đời sống hàng ngày. Những ẩn dụ đơn giản này được tự động hóa trong hệ thống nhận thức của chúng ta và ít khi cần suy nghĩ có ý thức để hiểu được chúng. Ngược lại, *ẩn dụ phức tạp* được hình thành khi nhiều ẩn dụ đơn giản hoặc nhiều ý niệm khác nhau kết hợp lại tạo ra một cấu trúc ý nghĩa phong phú hơn và đa tầng hơn. Phức tạp hơn về mặt cấu trúc, ẩn dụ phức tạp đòi hỏi sự suy luận sâu hơn để giải mã, giống như các ẩn dụ về HỆ THỐNG TRỪU TƯỢNG PHỨC TẠP (nhà nước, chính phủ, nền kinh tế, tổ chức xã hội, v.v.) được hiểu là CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG/ VẬT THỂ CHUYÊN ĐỘNG/ CỔ MÁY [Kövecses, 2002, tr.129-133]. Thông qua các ẩn dụ ý niệm phức tạp này, các khía cạnh của quản lý nhà nước được ánh xạ từ các đặc điểm cụ thể của một công trình xây dựng, một vật thể chuyển động hoặc một cỗ máy, vừa giúp đơn giản hóa các ý niệm vĩ mô và trừu tượng, vừa giúp thông điệp chính trị trở nên dễ hiểu và dễ cảm nhận.

2.2. Diễn ngôn chính trị

Diễn ngôn, “ngôn ngữ sử dụng trong lời nói và văn bản để tạo ra ý nghĩa”², được xác định là *chính trị* chỉ khi đáp ứng được hai tiêu chí chính. Trước tiên, diễn ngôn này phải được định hình và xuất hiện trong bối cảnh chính trị, và thứ hai, phải liên quan đến các chủ đề và vấn đề có liên quan đến đời sống chính trị (Schäffner, 1996). Là yếu tố thiết yếu đối với hoạt động chính trị và được mô tả là “một hình thức hoạt động phức tạp của con người” (Schäffner, 2004, tr.117), “diễn ngôn chính trị được xác định thông qua các tác nhân hoặc tác giả, tức là các chính trị gia” (van Dijk, 1997, tr.12; chữ in nghiêng trong nguyên bản). Theo van Dijk, chính trị gia là những người được trả lương để đảm nhiệm các vai trò chính trị như tổng thống, thủ tướng, thành viên của các cơ quan quốc hội, chính phủ, các đảng phái chính trị, đạt được vị trí thông qua bầu cử, bổ nhiệm và là những tác nhân chủ chốt trong hệ thống chính trị.

Ngoài các chính trị gia, đối tượng tham gia vào sự kiện chính trị trong vai trò người tiếp nhận diễn ngôn có thể là các công dân, cử tri, công chúng nói chung, phương tiện truyền thông hoặc các nhóm xã hội khác (van Dijk, 1997). Bối cảnh của diễn ngôn như các cuộc họp, cuộc tranh luận, các cuộc phỏng vấn vì mục đích chính trị, các chiến dịch bầu cử, v.v. cũng được coi là bối cảnh chính trị cho diễn ngôn chính trị. Van Dijk (1997, tr.13) khuyến nghị nên chú ý đến “bản chất của các hoạt động hoặc thực hành được thực hiện bằng văn bản và bài phát biểu chính trị” bao gồm cả các chính trị gia, người tham gia và bối cảnh diễn ngôn. Còn Fairclough (1995) lại xem diễn ngôn là một thực hành xã hội, nơi ngôn ngữ không chỉ phản ánh mà còn cấu trúc hóa thực tại xã hội. Tác giả cho rằng diễn ngôn chính trị là một không gian qua đó các mối quan hệ quyền lực và hệ tư tưởng được thiết lập, tái tạo hoặc thách thức. Theo Lapka (2021, tr.87), do “đánh giá cao sức mạnh của ngôn ngữ và vai trò quan trọng của nó trong việc tạo ra các bài phát biểu chính trị”, nên các chính trị gia luôn cố gắng khai thác hiệu quả các công cụ ngôn ngữ, đặc biệt là ẩn dụ, trong truyền tải thông điệp chính trị nhằm “thuyết phục khán giả và nhận được sự ủng hộ của họ”.

2.3. *Lý thuyết Ẩn dụ ý niệm và diễn ngôn chính trị*

CMT đã trở thành một công cụ không thể thiếu trong phân tích diễn ngôn chính trị. Là một lĩnh vực nghiên cứu rộng lớn, bao gồm mọi hình thức giao tiếp bằng ngôn ngữ trong bối cảnh chính trị, với mục đích xây dựng, duy trì, thách thức hoặc thay đổi quyền lực và hệ tư tưởng xã hội, diễn ngôn chính trị không chỉ giới hạn ở các bài phát biểu của chính trị gia hay các văn bản luật pháp, mà còn mở rộng sang các cuộc tranh luận nghị viện, chương trình đảng phái, các bản tin và bình luận trên truyền thông. Như Lakoff và Johnson (1980) đã chỉ ra ẩn dụ không chỉ là những công cụ tu từ đơn thuần mà còn là các công cụ của tư duy, định hình cách chúng ta suy nghĩ, cảm nhận và hành động.

Charteris-Black (2011) chỉ ra rằng, các ẩn dụ được sử dụng một cách có hệ thống để thao túng cảm xúc, xây dựng hình ảnh tích cực cho người nói hoặc tiêu cực cho đối thủ, và định hình cách công chúng hiểu về các vấn đề chính sách phức tạp. Qua phân tích các ẩn dụ CHIẾN TRANH, tác giả cho thấy cách chúng có thể khơi gợi sự đoàn kết, tinh thần chiến đấu, nỗi sợ hãi, làm nổi bật hoặc che giấu các khía cạnh cụ thể của một vấn đề, định hướng suy nghĩ của công chúng mà họ không hề hay biết. Các chính trị gia sử dụng ẩn dụ như một công cụ chiến lược để giành được sự ủng hộ và định hình dư luận, do ẩn dụ có khả năng tạo ra sự đồng cảm và liên tưởng cảm xúc, biến các ý tưởng trừu tượng thành những hình ảnh cụ thể, dễ tiếp cận và ghi nhớ. Tác giả Musolff (2012) khám phá cách ẩn dụ ý niệm định hình tư duy và giao tiếp chính trị khi chỉ ra rằng các khung ẩn dụ chung như QUỐC GIA LÀ GIA ĐÌNH, hoặc NỀN KINH TẾ LÀ CỖ MÁY thường được sử dụng để xây dựng sự đồng thuận hoặc đối đầu khi các chính trị gia và công chúng thảo luận về các cuộc khủng hoảng hoặc các vấn đề xã hội có tính toàn cầu. Ông nhấn mạnh cần hiểu các sắc thái văn hóa và ngôn ngữ trong việc sử dụng ẩn dụ, vì cùng một ẩn dụ có thể mang những ý nghĩa và hàm ý khác nhau khi dùng trong các bối cảnh văn hóa khác nhau. Musolff cũng nghiên cứu cách ẩn dụ được các tác nhân chính trị “tái khung” nhằm thay đổi nhận thức công chúng, điều chỉnh thái độ, hoặc hợp pháp hóa các chính sách cụ thể.

Dùng CMT phân tích các khía cạnh cảm xúc và thuyết phục trong diễn ngôn chính trị, Reznitzer (2014) tập trung vào cách các nhà lãnh đạo và giới truyền thông sử dụng ẩn dụ biểu đạt các trạng thái cảm xúc, xây dựng hình ảnh về bản thân và đối thủ, cũng như củng cố các hệ tư tưởng chính trị cụ thể. Quan tâm đến các ẩn dụ liên quan đến CHIẾN TRANH, BỆNH TẬT và HÀNH TRÌNH dùng để mô tả các cuộc khủng hoảng kinh tế, các chiến dịch bầu cử, hay quá trình hoạch định và thực thi chính sách, tác giả chỉ ra rằng những ẩn dụ này hiệu quả trong việc tạo ra khung nhận thức cho công chúng, dẫn đến việc đơn giản hóa quá mức các vấn đề phức tạp hoặc gọi những phản ứng cảm tính thay vì lý trí. Trong nghiên cứu năm 2021 về vai trò của ẩn dụ ý niệm như một công cụ chính trong ngôn ngữ thuyết phục của diễn ngôn chính trị, Lapka chỉ ra rằng ẩn dụ giúp các chính trị gia đơn giản hóa các ý tưởng chính trị phức tạp, biến chúng thành những hình ảnh trực quan và dễ hiểu, từ đó tăng cường khả năng tiếp cận và chấp nhận của cử tri. Các ẩn dụ phổ biến như CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH, NHÀ NƯỚC LÀ MỘT TÒA NHÀ, NỀN KINH TẾ LÀ MỘT HÀNH TRÌNH được sử dụng để xây dựng các khung nhận thức cụ thể. Sức mạnh của ẩn dụ là nằm ở khả năng truyền tải các giá trị, niềm tin, và ý

thức hệ một cách ngầm định, tạo ra sự đồng thuận, hợp pháp hóa các quyết định chính sách, ảnh hưởng đến ý kiến công chúng trong bối cảnh chính trị.

Nguyễn Thị Bích Hạnh (2020) khám phá cách ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ TRÒ CHƠI” định hình tư duy và giao tiếp chính trị trên báo điện tử Dantri.com.vn và Vietnamnet.vn. Tác giả giải mã cơ chế ánh xạ từ miền nguồn “trò chơi” (đặc biệt là cờ vua/ tướng và cờ bạc) sang miền đích “chính trị”, chỉ ra tư duy đặc thù của người Việt. Bài viết sử dụng phương pháp định lượng và định tính, chứng minh mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hóa và tư duy. Nghiên cứu cho thấy ẩn dụ ý niệm này phổ biến, giúp người đọc hình dung chính trường đầy kịch tính, rủi ro như một ván cờ hay canh bạc. Năm 2021, Hồ Thị Thoa khảo sát hai mô hình ẩn dụ cấu trúc “CHÍNH TRỊ LÀ NHIỆT” và “CHÍNH TRỊ LÀ HIỆN TƯỢNG THỜI TIẾT/ TỰ NHIÊN” trong diễn ngôn bình luận chính trị tiếng Việt trên báo Nhân Dân điện tử. Dựa trên lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận, nghiên cứu khẳng định hai mô hình ẩn dụ này phổ biến và hiệu quả trong truyền thông tiếng Việt, phản ánh kiểu tư duy đặc thù của người Việt khi ý niệm hóa các sự kiện chính trị như những hiện tượng tự nhiên quen thuộc, nhấn mạnh tính khốc liệt và sự cản trở trong điều phối hoạt động chính trị.

Thông qua việc khảo sát tần suất và chức năng của ẩn dụ bản thể, ẩn dụ cấu trúc và ẩn dụ định hướng, Nguyễn Thị Bích Giang và Trần Xuân Hiệp (2025) phân tích các ẩn dụ ý niệm dùng trong bài phát biểu chiến thắng năm 2024 của Donald Trump để hiểu cách ẩn dụ định hình chiến lược tu từ và truyền tải tầm nhìn chính trị của ông. Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh vai trò trung tâm của các phép ẩn dụ bản thể trong việc đơn giản hóa các ý niệm chính trị phức tạp, nuôi dưỡng sự lạc quan và truyền cảm hứng tin tưởng vào tương lai, đồng thời cung cấp những hiểu biết có giá trị về cách sử dụng ẩn dụ ảnh hưởng đến nhận thức của công chúng và tâm lý cử tri.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thiết kế theo phương pháp định tính, sử dụng khung Lý thuyết Ẩn dụ ý niệm (CMT) với trọng tâm là phân tích văn bản, tập trung vào bài phát biểu của TBT Tô Lâm tại phiên Khai mạc Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV. Thiết kế định tính cho phép đi sâu vào từng lớp ý nghĩa của ngôn ngữ, khám phá các khuôn mẫu ẩn dụ không chỉ ở cấp độ bề mặt mà còn ở cấp độ ý niệm và nhận thức, rất phù hợp với CMT.

Lý thuyết của Lakoff và Johnson (1980) cùng với các đóng góp của Kövecses (2002, 2010) liên quan các ý niệm cốt lõi như ẩn dụ ý niệm, miền nguồn, miền đích, tính hệ thống, tính phổ quát, tính biến thể và tính văn hóa/ đặc thù được áp dụng để phân tích ngữ liệu. Quan hệ giữa ẩn dụ đơn giản và ẩn dụ phức tạp cũng là nền tảng lý thuyết cho việc phân tích các ẩn dụ trong bài phát biểu. Dữ liệu chính được sử dụng là Phát biểu của TBT Tô Lâm ngày 21/10/2024 tại phiên khai mạc kỳ họp Quốc hội. Việc lựa chọn bài phát biểu này dựa trên tính đại diện cho diễn ngôn chính trị cấp cao của Việt Nam với các thông điệp quan trọng về định hướng phát triển đất nước. Toàn văn bài phát biểu, lấy từ trang điện tử của báo Nhân dân <https://nhandan.vn> gồm 3.042 từ.

Để đảm bảo tính khách quan và nhất quán, nghiên cứu này áp dụng MIPVU - một quy trình được phát triển để nhận diện các từ ngữ được sử dụng ẩn dụ trong diễn ngôn, cho phép phân tích và đối chiếu nghĩa ngữ cảnh của mỗi từ với nghĩa cơ bản, cụ thể hơn của nó (Steen và các cộng sự, 2010). Quy trình gồm bốn bước: (a) đọc toàn bộ bài phát biểu để nắm ý nghĩa chung, ngữ cảnh và các chủ đề nổi bật; (b) xác định các đơn vị từ vựng có thể là ẩn dụ, đánh dấu trong văn bản; (c) xác định nghĩa ngữ cảnh, so sánh với nghĩa cơ bản, nếu nghĩa khác nhưng vẫn hiểu được qua so sánh, thì đơn vị từ đó là ẩn dụ; (d) phân loại ẩn dụ (theo *cấu trúc*, *bản thể*, *phương hướng*), phân tích theo ánh xạ (miền nguồn, miền đích), theo tiêu chí đơn - phức, hoặc khái quát - đặc thù/ văn hóa.

Các biểu thức ẩn dụ lấy từ bài phát biểu của TBT Tô Lâm được in nghiêng, đặt trong ngoặc kép và được phân tích theo bốn nhóm chủ đề nổi bật: (i) Quốc gia/ Đất nước/ Tổ quốc/ Dân tộc, (ii) Đảng/ Quốc hội/ Nhà nước/ Chính phủ, (iii) Đối ngoại/ Quốc phòng/ An ninh, (iv) Kinh tế/ Chính trị/ Văn hóa/ Xã hội. Dựa trên hai miền đích chính là **thời gian** và **hệ thống trừu tượng thức tạp**, nghiên cứu xác định hai nhóm ẩn dụ lớn, bao gồm: (i) các ẩn dụ phức tạp liên quan đến thời gian (THỜI GIAN LÀ CON ĐƯỜNG VÀ CHÚNG TA DI CHUYỂN THEO NÓ/ THỜI GIAN LÀ VẬT THỂ CHUYỂN

ĐỘNG) và (ii) các ẩn dụ phức tạp liên quan tới các hệ thống trừu tượng phức tạp (HỆ THỐNG TRỪU TƯỢNG PHỨC TẠP LÀ TÒA NHÀ/ CƠ THỂ NGƯỜI/ CÂY CỐI/ CỔ MÁY). Quy trình MIPVU giúp phân tích sâu sắc các biểu thức ẩn dụ, diễn giải các phát hiện, và rút ra kết luận về vai trò của ẩn dụ trong bài phát biểu.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Chủ đề Quốc gia/ Đất nước/ Tổ quốc/ Dân tộc

4.1.1. Ẩn dụ phức tạp liên quan đến thời gian

Ẩn dụ cấu trúc THỜI GIAN LÀ CON ĐƯỜNG VÀ CHÚNG TA DI CHUYỂN THEO NÓ hay THỜI GIAN TĨNH TẠI VÀ CHÚNG TA DI CHUYỂN QUA NÓ (Lakoff & Johnson, 1980, tr.43) thể hiện con đường thời gian mà đất nước đang kiên cường đi qua, ngụ ý về một quá trình liên tục, có đích đến và cần nhiều nỗ lực để vượt qua thử thách. Bài phát biểu mở đầu và kết thúc với một hình ảnh mạnh mẽ: “...*bước vào kỉ nguyên mới, kỉ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam*”. Miền nguồn ở đây là hành động “bước vào” một không gian hay một giai đoạn mới, trong khi miền đích là sự chuyển đổi và phát triển của đất nước. Ánh xạ từ việc di chuyển trên một con đường, ẩn dụ này không chỉ định vị đất nước tại một cột mốc lịch sử quan trọng ở hiện tại mà còn gợi lên một tầm nhìn về tương lai đầy hứa hẹn, đòi hỏi sự chuẩn bị kĩ lưỡng nhưng cấp thiết, không chần chừ: “*tạo tiền đề, chuẩn bị ngay về mọi mặt đưa đất nước bước vào kỉ nguyên mới*”. Tính hệ thống của ẩn dụ này thể hiện qua các “bước đi” trên con đường thời gian dẫn đến “kỉ nguyên mới” - một giai đoạn được định vị là một “không gian” rộng lớn phía trước. Ẩn dụ định khung sự phát triển quốc gia như một hành trình tiến lên phía trước, đòi hỏi sự đồng lòng và quyết tâm.

Ẩn dụ bản thể THỜI GIAN LÀ VẬT CHỨA (Lakoff & Johnson, 1980, tr.59) phác họa “kỉ nguyên mới” như một không gian chứa đựng các sự kiện và tiềm năng, và “bước vào kỉ nguyên mới” ngụ ý đất nước đang dịch chuyển vào một giai đoạn đặc biệt với những đặc điểm riêng. Ánh xạ bộ phận của ẩn dụ chỉ tập trung vào khả năng chứa đựng và bao hàm các sự kiện, chứ không phải tất cả thuộc tính của một vật chứa vật lí. Việc nhân cách hóa thời gian thành một thực thể có khả năng tự di chuyển, mang theo các sự kiện hoặc cột mốc, ẩn dụ THỜI GIAN LÀ VẬT THỂ CHUYỂN ĐỘNG (Lakoff & Johnson, 1980, tr.42) nhấn mạnh tính chủ động trong việc nắm bắt cơ hội và “thời cơ” được ví như một đối tượng có thể bị “lỡ” nếu không hành động kịp thời: “*cần khẩn trương khắc phục, không để cản trở phát triển, gây lãng phí, lỡ thời cơ phát triển đất nước trong kỉ nguyên mới*”. Miền nguồn là một vật thể đang di chuyển và miền đích là ý niệm “cơ hội” có giới hạn thời gian. Ánh xạ là sự chậm trễ dẫn đến việc không “nắm bắt” được vật thể đó. Tính bộ phận thể hiện ở việc chỉ những khía cạnh về tốc độ và khả năng bị bỏ lỡ của vật thể được ánh xạ. Biểu đạt ẩn dụ “*không nóng vội, nhưng cũng không cầu toàn, để mất thời cơ*” trong bài phát biểu một lần nữa khẳng định ẩn dụ thời gian là một vật thể chuyển động và có thể bị bỏ lỡ nếu không linh hoạt, nhanh nhạy và năng động. Miền nguồn là một vật thể đang di chuyển và miền đích là ý niệm trừu tượng về “thời cơ” - một khoảnh khắc thuận lợi, một giai đoạn vàng để thực hiện các hành động mang lại lợi ích đột phá. Ánh xạ từ việc vật thể trôi qua nhưng không nắm giữ được, đã vật chất hóa “thời cơ” thành một thực thể có tính hữu hạn và sự cấp bách, đòi hỏi phản ứng nhanh chóng.

Hai ẩn dụ bản thể THỜI GIAN LÀ NGUỒN LỰC (CÓ HẠN) và THỜI GIAN LÀ HÀNG HÓA (CÓ GIÁ TRỊ) (Lakoff & Johnson, 1980, tr.8) cũng được lồng ghép trong nhiều biểu đạt ẩn dụ của bài phát biểu. Các biểu đạt ẩn dụ “*gây lãng phí, lỡ thời cơ phát triển đất nước*” và “*không nóng vội, nhưng cũng không cầu toàn, để mất thời cơ*” ánh xạ thời gian như một nguồn tài nguyên quý giá có thể bị “lãng phí” hoặc một hàng hóa có thể bị mất nếu không được sử dụng đúng cách. Miền nguồn là một nguồn lực hữu hạn hoặc một loại hàng hóa có giá trị, miền đích là thời gian quý báu dành cho sự phát triển, và việc tiêu tốn hoặc đánh mất tài nguyên/ hàng hóa ánh xạ sang việc bỏ lỡ các cơ hội phát triển do không hành động kịp thời, định khung thời gian như một yếu tố kinh tế quan trọng. Ẩn dụ ý niệm thời gian trong các biểu đạt ngôn ngữ này định hướng nhận thức về tầm quan trọng của việc chủ động trong mọi hoàn cảnh, nhấn mạnh tính thần hành động quyết liệt, không bỏ lỡ những cơ hội vàng cho sự phát triển của đất nước trong giai đoạn then chốt.

4.1.2. Ẩn dụ phức tạp liên quan đến các hệ thống trừu tượng phức tạp

Ẩn dụ HỆ THỐNG TRỪU TƯỢNG PHỨC TẠP LÀ TÒA NHÀ (Kövecses, 2002, 130) hay CẤU TRÚC TRỪU TƯỢNG LÀ CẤU TRÚC VẬT LÍ (Kövecses, 2002, tr.112) định khung đất nước như một kiến trúc, cần được xây dựng, củng cố và bảo vệ. Điều này nhấn mạnh sự ổn định, kiên cố và quá trình tích lũy lâu dài. TBT đã sử dụng cụm từ “cơ đồ” khi khẳng định “*Những thành tựu quan trọng đã củng cố thêm cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước qua 40 năm đổi mới*”. Ở đây, miền nguồn là một công trình kiến trúc lớn, vững chắc (“cơ đồ” nghĩa là cơ nghiệp đồ sộ, nền móng vững chắc), và miền đích là Quốc gia/ Đất nước. Sự kiên cố, vĩ đại của một công trình được ánh xạ sang sự bền vững, bề thế của một quốc gia. Hành động “củng cố” ánh xạ từ hành động gia cố một tòa nhà. Các ẩn dụ cấu trúc này có tính phổ quát trong mô tả sự ổn định, nhưng cách dùng “cơ đồ” lại mang sắc thái văn hóa đặc thù của Việt Nam, gợi nhớ đến cơ nghiệp của tổ tiên. Tính tổng thể của ẩn dụ được thể hiện qua việc đất nước không chỉ có “cơ đồ” mà còn có “*tiềm lực, vị thế, uy tín,*” giống như một công trình kiến trúc hoàn chỉnh có cả nền móng, cấu trúc và giá trị bên ngoài. Ẩn dụ cấu trúc SỰ ỔN ĐỊNH TRỪU TƯỢNG LÀ SỨC MẠNH VẬT LÍ (CỦA CẤU TRÚC ĐẸ ĐÚNG VỮNG) (Kövecses, 2002, tr.111-112) cũng được thể hiện rõ qua việc “củng cố cơ đồ,” hàm ý về một nền tảng vững chắc có thể chống chịu được các thách thức, giống như một công trình có kết cấu vững chãi.

Cụm từ “*Tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường, Tổ quốc được bảo vệ vững chắc*” cũng là một biểu đạt ẩn dụ được kiến tạo dựa trên sự hoạt động của hai ẩn dụ HỆ THỐNG TRỪU TƯỢNG PHỨC TẠP LÀ CƠ THỂ NGƯỜI (Kövecses, 2002, tr.129) và ĐẤT NƯỚC LÀ CON NGƯỜI (Kövecses, 2002, tr.60), giúp hiểu một ý niệm trừu tượng và vĩ mô như Tổ quốc thông qua các khuôn mẫu quen thuộc và cụ thể từ miền nguồn và mục tiêu bảo vệ quốc gia được hình dung một cách rõ ràng, có sức lay động cảm xúc và định hình nhận thức của công chúng. Sự toàn vẹn và an ninh của Tổ quốc có thể được hiểu là cơ thể Tổ quốc được bảo vệ khỏi bệnh tật, tổn thương từ bên ngoài, thể hiện qua các cụm từ như “*nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”, “*hết sức phụng sự Tổ quốc*” và “*phải ra sức giữ vững nền độc lập cho Tổ quốc*”. Bằng cách nhân cách hóa Tổ quốc, thành một cá nhân cụ thể, có những thuộc tính, cảm xúc, và sở phận như người, ẩn dụ khai thác khía cạnh cảm xúc và giá trị tinh thần, khiến nhiệm vụ bảo vệ không chỉ là một bổn phận trừu tượng mà trở thành một hành động xuất phát từ tình yêu thương, khơi gợi lòng yêu nước, và ý thức gắn bó sâu sắc với một thực thể sống động, thiêng liêng.

Là một trong những ẩn dụ nổi bật mang đậm tính văn hóa, DÂN TỘC LÀ MỘT GIA ĐÌNH (Kövecses, 2002, tr.63) được biểu đạt tinh tế trong cụm “*tinh thần tương thân tương ái, tinh dân tộc, nghĩa đồng bào*”. Các yếu tố từ miền nguồn “gia đình” được ánh xạ có hệ thống sang miền đích “dân tộc”. Xuất phát từ truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ (một trăm người con sinh ra từ cùng một bọc trứng, sau đó chia nhau lên rừng xuống biển lập nghiệp) và được nhắc tám lần trong bài phát biểu, ý niệm “đồng bào” (cùng một bọc thai) đã vật chất hóa mối quan hệ huyết thống giữa những người con đất Việt, tạo nên sự gắn kết thiêng liêng. Khi đất nước được nhân cách hóa thành một gia đình, mọi cá nhân là “con cháu” chung nguồn cội, chung định mệnh. Qua lăng kính ẩn dụ, các ý niệm “tinh dân tộc” và “nghĩa đồng bào” hiện lên như những sợi dây liên kết vô hình nhưng vững chắc, định hình cách người Việt cảm nhận về cộng đồng của mình. Không chỉ củng cố các giá trị truyền thống như lòng hiếu thảo, tình anh em, sự sẻ chia, ẩn dụ này còn là một phần của hệ thống giá trị, đạo đức, và hành vi xã hội của người Việt.

Cụm từ “*kỉ nguyên vươn mình của dân tộc*” khai thác đồng thời hai ẩn dụ cấu trúc để phác họa quá trình phát triển của quốc gia. Ẩn dụ HỆ THỐNG TRỪU TƯỢNG PHỨC TẠP LÀ CÂY CỎI (Kövecses, 2002, tr.133-134) gợi hình ảnh dân tộc như một thực thể sống, còn ẩn dụ PHÁT TRIỂN TRỪU TƯỢNG LÀ TẦNG TRƯỜNG VẬT LÍ TỰ NHIÊN (Kövecses, 2002, tr.134) lại ánh xạ quá trình sinh trưởng tự nhiên, lớn lên, vào sự phát triển vượt trội của đất nước. Tuy có tính phổ quát cao ẩn dụ này cũng mang tính đặc thù sâu sắc trong bối cảnh diễn ngôn chính trị Việt Nam, đánh dấu một giai đoạn lịch sử quan trọng, một thời khắc dân tộc Việt Nam trỗi dậy mạnh mẽ, “*vuôn mình*” sau nhiều thập kỷ chiến tranh và khó khăn. Không chỉ gắn với hình tượng linh vật Rồng trong văn hóa Việt Nam (biểu tượng của sức mạnh phi thường, sự thịnh vượng và uy quyền) và huyền thoại khởi nguồn dân tộc

Việt “con Rồng cháu Tiên”, hành động “*vươn mình*” còn gợi lên hình ảnh Thánh Gióng (em bé vươn vai thành tráng sĩ không lồ đánh giặc ngoại xâm). Kết hợp các ẩn dụ về cây cối và tăng trưởng vật lí với các biểu tượng văn hóa Rồng và Thánh Gióng, cụm từ “*kỉ nguyên vươn mình của dân tộc*” không chỉ định khung đất nước trong một giai đoạn phát triển mà còn trở thành một tuyên ngôn hùng hồn, một lời hiệu triệu đầy cảm xúc, kết nối quá khứ vinh quang với hiện tại đầy nỗ lực và tương lai rạng rỡ, thôi thúc mỗi người dân cùng chung tay xây dựng và khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Cụm từ “*sớm xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu như tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và ước vọng của toàn dân tộc*” là một ví dụ điển hình về cách diễn ngôn chính trị sử dụng nhiều ẩn dụ cùng lúc để kiến tạo một tầm nhìn quốc gia, khơi gợi cảm xúc và định hướng hành động. Ý niệm “*nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa*” được hình dung qua ẩn dụ HỆ THỐNG TRỪU TƯỢNG PHỨC TẠP LÀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG/ CỖ MÁY (Kövecses, 2002, tr.129-133). Hành động “xây dựng” ánh xạ quá trình kiến tạo và phát triển một quốc gia vững mạnh giống như việc dựng lên một tòa nhà kiên cố hay lắp ráp một cỗ máy hoàn chỉnh để nó vận hành hiệu quả. Ẩn dụ này đơn giản hóa một nỗ lực vĩ mô gồm vô vàn chính sách và sự đóng góp của con người thành một hành động vật lí cụ thể, có mục tiêu. “*Sánh vai với các cường quốc năm châu*” là một ẩn dụ định hướng đầy khát vọng, có thể được hiểu qua lăng kính của ĐỊA VỊ CAO LÀ Ở TRÊN (Lakoff & Johnson, 1980, tr.16) và ĐẤT NƯỚC LÀ CON NGƯỜI (Kövecses, 2002, tr.60). Từ miền nguồn là vị trí vật lí trong không gian, nơi hành động “*sánh vai*” gợi hình ảnh hai thực thể đứng ngang hàng, còn “*Các cường quốc năm châu*” được hình dung là những “người” có tầm vóc lớn, có địa vị và sức mạnh nổi bật trên trường quốc tế. Ánh xạ từ việc một cá nhân có địa vị xã hội cao, được tôn trọng và có ảnh hưởng ngang với những cá nhân khác, sang việc Việt Nam vươn lên đạt được tầm vóc, sức mạnh và uy tín ngang bằng với các quốc gia hùng mạnh trên thế giới, thể hiện khát vọng vươn lên và bình đẳng trong các mối quan hệ quốc tế.

Cuối cùng, phần kết “*như tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và ước vọng của toàn dân tộc*” mang đến một lớp ý nghĩa sâu sắc về ý chí tập thể và di sản lịch sử. Cụm từ “*ước vọng của toàn dân tộc*” được củng cố thông qua ẩn dụ HỆ THỐNG TRỪU TƯỢNG PHỨC TẠP LÀ CƠ THỂ NGƯỜI (Kövecses, 2002, tr.129). “Toàn dân tộc” được ánh xạ thành một cơ thể thống nhất, chung ý chí, khiến ý niệm “ước vọng” trở nên cụ thể, có sức nặng và mang tính đại diện, giống như khát khao của một cơ thể sống. Việc liên kết “tâm nguyện” của Chủ tịch Hồ Chí Minh với “ước vọng” của toàn dân tộc cũng ngụ ý ẩn dụ LỊCH SỬ LÀ MỘT HÀNH TRÌNH. Ước vọng này không chỉ là mong muốn hiện tại mà còn là kim chỉ nam, là di sản tinh thần được truyền từ quá khứ, khơi gợi cảm xúc, tạo ra thông điệp có sức lan tỏa, định hướng cho hành trình phát triển của dân tộc, kêu gọi sự đồng lòng và nỗ lực chung từ mọi tầng lớp trong xã hội Việt Nam.

4.2. Chủ đề Đảng/ Quốc hội/ Nhà nước/ Chính phủ

4.2.1. Ẩn dụ phức tạp liên quan đến thời gian

Cụm từ “*chuẩn bị các công việc cho Đại hội XIV của Đảng*” không chỉ là một kế hoạch mà còn ngụ ý về một giai đoạn thời gian sắp tới cần sự chuẩn bị kĩ lưỡng. Đây là biểu đạt của ẩn dụ THỜI GIAN LÀ CON ĐƯỜNG VÀ CHÚNG TA DI CHUYỂN THEO NÓ, và “*Đại hội XIV*” là một cột mốc trên con đường phát triển của Đảng với các công việc chuẩn bị là những bước đi trên con đường đó. Ẩn dụ này định vị tương lai của Đảng trong một lộ trình rõ ràng. Tương tự như vậy, hoạt động “*giám sát của Quốc hội không ngừng được cải tiến*” ngụ ý quá trình cải tiến là một sự di chuyển liên tục trên con đường hoàn thiện, định vị vai trò của Quốc hội trong một dòng chảy thời gian không ngừng, yêu cầu sự thích nghi và đổi mới liên tục. Không chỉ làm rõ tính liên tục của quá trình cải tiến mà ẩn dụ còn nhấn mạnh sự tích cực, tính chủ động của Quốc hội trong thay đổi, cải tiến để không bị tụt lại phía sau trên con đường phát triển chung.

Đề nghị của TBT về việc “*tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*” là một tuyên bố mang định hướng chiến lược, trong đó các ẩn dụ THỜI GIAN LÀ CHUYỂN ĐỘNG (Kövecses, 2002, tr.33) và THỜI GIAN LÀ VẬN ĐỘNG (Kövecses, 2002, tr.158) đóng vai trò then chốt trong việc định hình ý nghĩa về một quá trình liên tục trên con

đường hoàn thiện Nhà nước. Những ẩn dụ này cho phép hình dung một công cuộc trù tượng và dài hơi như việc kiến tạo nhà nước thông qua các ý niệm vật lý về sự di chuyển và tiến hóa, và thời gian được xem như một dòng chảy liên tục của sự chuyển động và vận động, không có điểm dừng. Ý niệm “*Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”, vốn là một hệ thống trù tượng phức tạp, khi đặt trong bối cảnh này, được hình dung như một thực thể đang liên tục vận động và phát triển cùng với dòng chảy thời gian. Ẩn dụ THỜI GIAN LÀ VẬT CHỨA (Lakoff & Johnson, 1980, tr.59) cấu trúc các ý niệm “*Đại hội XIV của Đảng*” và “*giai đoạn mới*” như những khoảng thời gian được định rõ, chứa đựng những biến cố, nhiệm vụ và thành tựu của các cơ quan này. Đồng thời giúp định vị những cột mốc quan trọng và tạo ra một khung thời gian rõ ràng cho những mục tiêu lớn. Các thành tựu “*từ đầu nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đến nay*” cũng được bao hàm trong một vật chứa thời gian là “*nhiệm kỳ*”. Cụm từ “*không để lãng phí, lỡ thời cơ phát triển*” khi nói về các tồn tại, hạn chế của bộ máy hành chính cũng gọi lên ẩn dụ THỜI GIAN LÀ NGUỒN LỰC (CÓ HẠN) hoặc THỜI GIAN LÀ HÀNG HÓA (CÓ GIÁ TRỊ) (Lakoff & Johnson, 1980, tr.8). Miền nguồn là tài nguyên quý giá có thể bị tiêu tốn hoặc hàng hóa có thể bị mất, và miền đích là thời gian dành cho việc cải cách và phát triển bộ máy. Ánh xạ từ việc quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên sang việc tận dụng tối đa thời gian để tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả. Ẩn dụ bản thể này xem thời gian như một không gian hữu hình, một “*vật chứa*” có giới hạn, trong đó các sự kiện, hoạt động hoặc các giai đoạn cụ thể được đặt vào và diễn ra. Điều này thể hiện tính kế hoạch và cấu trúc của thời gian trong diễn ngôn chính trị.

Trong cụm “*Chính phủ đã khẩn trương quán triệt, triển khai thực hiện ngay chủ trương Hội nghị Trung ương 10*”, các từ “*khẩn trương*” và “*ngay*” kích hoạt ẩn dụ THỜI GIAN LÀ NGUỒN LỰC (CÓ HẠN) và THỜI GIAN LÀ HÀNG HÓA (CÓ GIÁ TRỊ) (Lakoff & Johnson, 1980, tr.8). Ánh xạ từ miền nguồn (nguồn lực/ hàng hóa có giá trị có thể mất hoặc lãng phí nếu chậm trễ) sang việc thực hiện chủ trương Hội nghị Trung ương 10 không chần chừ, nhằm khai thác hiệu quả “*nguồn thời gian*” có sẵn, giúp định hướng nhận thức về tầm quan trọng của việc hành động nhanh chóng, không bỏ lỡ “*cơ hội thời gian*” trong bối cảnh cụ thể của các quyết sách lớn. Hơn nữa, thông qua lăng kính ẩn dụ THỜI GIAN LÀ VẬT THỂ CHUYỂN ĐỘNG (Lakoff & Johnson, 1980, tr.42), những từ này cũng gợi ý hành động “*ngay*” và “*khẩn trương*” giống như chạy đua hoặc bắt kịp một vật thể đang trôi đi, nhấn mạnh rằng chậm trễ có thể khiến Chính phủ “*lỡ*” mục tiêu hoặc kế hoạch đã đề ra, truyền tải thông điệp về sự chủ động, quyết liệt và tính kỉ luật trong việc triển khai các nghị quyết của Đảng.

4.2.2. Ẩn dụ phức tạp liên quan đến các hệ thống trù tượng phức tạp

Ẩn dụ HỆ THỐNG TRÙU TƯỢNG PHỨC TẠP LÀ TÒA NHÀ (Kövecses, 2002, tr.130) hay CẤU TRÚC TRÙU TƯỢNG LÀ CẤU TRÚC VẬT LÝ (Kövecses, 2002, 112) định khung Đảng, Quốc hội, Nhà nước và Chính phủ như những cấu trúc vững chãi, cần được xây dựng, hoàn thiện và củng cố liên tục. Việc “*chuẩn bị các công việc cho Đại hội XIV của Đảng*” ánh xạ từ việc chuẩn bị cho một giai đoạn xây dựng mới của một công trình, củng cố nền tảng chính trị. TBT đề nghị “*tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*”, với miền nguồn là hành động xây dựng và hoàn thiện một tòa nhà. Ánh xạ là từ sự bền bỉ, tỉ mỉ trong việc xây dựng một công trình vững mạnh sang quá trình kiến tạo Nhà nước. Tương tự, vai trò “*hoàn thiện hệ thống pháp luật*” thể hiện trong việc thông qua luật và nghị quyết của Quốc hội được ví như việc xây dựng và củng cố “*kiến trúc thượng tầng pháp lý*” của quốc gia, nhấn mạnh sự ổn định và kiên cố của các thể chế.

Ẩn dụ HỆ THỐNG TRÙU TƯỢNG PHỨC TẠP LÀ CƠ THỂ NGƯỜI (Kövecses, 2002, tr.129) làm nổi bật sự thống nhất, sức sống và khả năng ứng phó của các cơ quan này. Trong biểu đạt ẩn dụ “*Đảng ta đã thể hiện bản lĩnh kiên cường, là một khối thống nhất về ý chí và hành động*”, miền nguồn là một cơ thể con người có bản lĩnh, kiên cường, có khả năng thống nhất ý chí và hành động. Ánh xạ là từ sự mạnh mẽ, sự gắn kết của các bộ phận trong một cơ thể sống sang sự đoàn kết, kiên định của Đảng. Tương tự, việc “*phân cấp, phân quyền chưa triệt để, chưa rõ trách nhiệm*” trong bộ máy Nhà nước được ví như các bộ phận trong một cơ thể chưa phối hợp nhịp nhàng, gây ra sự tắc nghẽn hoặc hoạt động kém hiệu quả. Hoạt động “*giám sát của Quốc hội không ngừng được cải tiến, tập trung vào*

những vấn đề bức xúc của cuộc sống” có thể được hiểu như việc “khám bệnh” hoặc “kiểm tra sức khỏe” cho các hoạt động của Nhà nước, đảm bảo “sức khỏe” cho toàn hệ thống.

Ấn dụ HỆ THỐNG TRỪU TƯỢNG PHỨC TẠP LÀ CỖ MÁY (Kövecses, 2002, tr.131-133) nhấn mạnh tính hiệu quả và sự vận hành chính xác của các cơ quan trong hệ thống. Cụm “*kiến toàn tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*” ánh xạ từ miền nguồn “cỗ máy” sang miền đích là hệ thống hành chính của Nhà nước, từ sự chính xác, phối hợp nhịp nhàng và hiệu suất cao của một cỗ máy sang yêu cầu về quản lý nhà nước. TBT cũng nhấn mạnh hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội phải “*đúng vai, thuộc bài*”. Miền nguồn là các bộ phận của một cỗ máy hoạt động ăn khớp, đúng chức năng để tạo ra hiệu suất tổng thể và ánh xạ là từ sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu suất cao của cỗ máy sang sự vận hành trơn tru, hiệu quả của Quốc hội. Việc “*đổi mới quy trình quyết định về ngân sách Nhà nước*” hay “*phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quan hệ giữa các cơ quan, nhất là các cơ quan của Quốc hội và Chính phủ*” đều là những hành động nhằm “tối ưu hóa” hoặc “nâng cấp” bộ máy quản lý, giúp hệ thống vận hành hiệu quả hơn.

4.3. Chủ đề Đối ngoại/ Quốc phòng/ An ninh

4.3.1. Ấn dụ phức tạp liên quan đến thời gian

Cụm từ “*vị thế và uy tín quốc tế của đất nước qua 40 năm đổi mới*” ngụ ý ẩn dụ THỜI GIAN LÀ CON ĐƯỜNG VÀ CHÚNG TA DI CHUYỂN THEO NÓ, và “*40 năm đổi mới*” là một đoạn đường dài đất nước đã đi qua để đạt được những thành tựu về đối ngoại và quốc phòng. Điều này nhấn mạnh sự tích lũy sức mạnh và vị thế theo dòng thời gian. “*Quan hệ đối ngoại tiếp tục được mở rộng và nâng tầm*” thể hiện một quá trình liên tục trên con đường phát triển các quan hệ quốc tế với các quốc gia và các tổ chức quốc tế. Các ẩn dụ thời gian điển hình thường vật chất hóa hoặc định hướng chính bản thân ý niệm thời gian, chẳng hạn như khi chúng ta nói về “*thời cơ đến rồi đi*” thì thời gian là vật thể chuyển động hay “*trong kỉ nguyên mới*” thì thời gian là vật chứa.

Các cụm từ như “*Tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường*”, “*Đối ngoại của Quốc hội được mở rộng với nhiều hoạt động nổi bật, Quốc hội được bầu vào nhiều vị trí quan trọng tại các diễn đàn lớn và uy tín trên thế giới*”, và “*Tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại của Quốc hội, góp phần nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế*” chủ yếu tập trung vào việc mô tả trạng thái và sự phát triển của miền đích (tiềm lực quốc phòng, quan hệ đối ngoại, vị thế quốc tế) thông qua các hành động như “*tăng cường*,” “*mở rộng*,” “*nâng tầm*,” hay “*được bầu vào vị trí quan trọng*.”. Mặc dù các hành động này chính là những quá trình diễn ra trong thời gian, nhưng bản thân ý niệm thời gian không phải là miền đích được vật chất hóa hay định hướng một cách rõ ràng. Dù không phải là các ẩn dụ phức tạp về thời gian theo nghĩa điển hình nhất, nhưng những biểu đạt ngôn ngữ phía trên vẫn chứa đựng những yếu tố ngụ ý về thời gian và quá trình, và yếu tố thời gian vẫn hiện diện một cách tinh tế, không thể tách rời.

Các thành tựu như “*Quốc hội được bầu vào nhiều vị trí quan trọng tại các diễn đàn lớn và uy tín trên thế giới*” mô tả những sự kiện đã đạt được, thường được bao hàm trong một khoảng thời gian cụ thể (ví dụ: một nhiệm kỳ hoặc một giai đoạn hoạt động), gợi ý một cách gián tiếp về ẩn dụ THỜI GIAN LÀ VẬT CHỨA (Lakoff & Johnson, 1980, tr.59), nơi các thành quả và hoạt động đối ngoại của Quốc hội được chứa đựng trong một khung thời gian nhất định. Mặc dù không trực tiếp gọi tên “*thời gian*” là một vật chứa, nhưng cách trình bày những thành tựu này như các sự kiện đã “*xảy ra*” trong một giai đoạn biểu đạt rõ yếu tố thời điểm, giúp định vị những nỗ lực trong lĩnh vực đối ngoại, quốc phòng và an ninh như một hành trình liên tục tiến lên, với các cột mốc và thành tựu được ghi nhận qua từng giai đoạn, khẳng định sự kiên trì và tầm nhìn dài hạn của đất nước trên trường quốc tế.

4.3.2. Ấn dụ phức tạp liên quan đến các hệ thống trừu tượng phức tạp

Trong các ẩn dụ cấu trúc HỆ THỐNG TRỪU TƯỢNG PHỨC TẠP LÀ TÒA NHÀ (Kövecses, 2002, tr.130) hay SỰ ỔN ĐỊNH TRỪU TƯỢNG LÀ SỨC MẠNH VẬT LÝ (CỦA CẤU TRÚC ĐỂ ĐÚNG VỮNG) (Kövecses, 2002, tr.111-112), vị thế và sức mạnh quốc phòng được ví như việc củng cố nền móng và kiến trúc của một tòa nhà. Khi TBT khẳng định thành tựu của đất nước qua 40 năm đổi mới đã “*củng cố thêm cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước*”, miền nguồn là việc gia cố

nền móng và xây dựng kiến trúc, còn miền đích là tiềm lực quốc phòng, vị thế đối ngoại và uy tín quốc tế. Ánh xạ là từ sự kiên cố, bền vững của một công trình sang sức mạnh và sự ổn định của an ninh quốc gia và quan hệ đối ngoại. Ấn dụ này phổ quát nhưng nhấn mạnh tầm quan trọng của nền tảng vững chắc trong bối cảnh địa chính trị.

Cụm từ *“Tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường”* được định hình rõ nét nhờ ấn dụ HỆ THỐNG TRỪU TƯỢNG PHỨC TẠP LÀ CƠ THỂ NGƯỜI (Kövecses, 2002, tr.129). Trong khuôn khổ ấn dụ này, toàn bộ hệ thống quốc phòng và an ninh của quốc gia được hình dung như một cơ thể sống. Miền nguồn là cơ thể con người khỏe mạnh, có sức đề kháng cao, còn miền đích là hệ thống quốc phòng và an ninh quốc gia. Hành động tăng cường tiềm lực được ánh xạ từ việc rèn luyện để nâng cao sức khỏe và khả năng tự vệ của cơ thể. Giống như một cơ thể cường tráng có thể chống chọi với mọi bệnh tật, một hệ thống quốc phòng, an ninh *“được tăng cường”* sẽ có khả năng tự bảo vệ vững chắc trước mọi mối đe dọa, từ bên trong lẫn bên ngoài. Ấn dụ ĐẤT NƯỚC LÀ CON NGƯỜI (Kövecses, 2002, tr.60) cũng góp phần làm sâu sắc thêm ý nghĩa của cụm từ trên. Khi Tổ quốc được coi là một con người, việc tăng cường quốc phòng và an ninh được hiểu như việc trang bị cho cá nhân đó một sức mạnh thể chất và tinh thần chống trả mọi sự gây hại. Ấn dụ này khơi gợi lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm cá nhân, biến nhiệm vụ bảo vệ đất nước trở thành một hành động thiêng liêng, bảo vệ chính mình và người thân.

Hai ấn dụ trên cũng được vận dụng linh hoạt để mô tả sự phát triển trong tương tác quốc tế *“quan hệ đối ngoại tiếp tục được mở rộng và nâng tầm”*. Quan hệ đối ngoại qua lăng kính ấn dụ được hình dung như mạng lưới các mối quan hệ giao tiếp, hợp tác và trao đổi của một cơ thể với môi trường bên ngoài, phát triển về chất lượng, vị thế, mang lại lợi ích lớn hơn cho sự phát triển của quốc gia. Thông qua lăng kính ấn dụ, các cụm từ về an ninh, quốc phòng và đối ngoại được chuyển đổi từ những ý niệm khô khan thành những hình ảnh sống động, trực quan, vừa mô tả sự gia tăng về số lượng, quy mô vừa nhấn mạnh sự cải thiện về chất lượng, sự vững chắc và vị thế. Ấn dụ HỆ THỐNG TRỪU TƯỢNG PHỨC TẠP LÀ CỖ MÁY (Kövecses, 2002, tr.129) ánh xạ các thuộc tính và mối quan hệ từ miền nguồn là một cỗ máy (với các bộ phận, chức năng, công suất, sức mạnh,...) sang miền đích là một hệ thống trừu tượng phức tạp (như an ninh, quốc phòng, hay đối ngoại của một quốc gia) và miền đích của *“Tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường”* là hệ thống quốc phòng và an ninh của một quốc gia - được ánh xạ như một cỗ máy phòng vệ của đất nước. Giống như một cỗ máy được tăng cường sẽ có khả năng hoạt động liên tục, chống chịu áp lực tốt hơn, hệ thống quốc phòng, an ninh được tăng cường sẽ có khả năng bảo vệ vững chắc lãnh thổ và người dân trước mọi mối đe dọa, duy trì sự ổn định.

Trong các biểu đạt *“quan hệ đối ngoại tiếp tục được mở rộng và nâng tầm”*, *“Đối ngoại của Quốc hội được mở rộng với nhiều hoạt động nổi bật”* và *“Tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại của Quốc hội, góp phần nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế”* công tác đối ngoại được hình dung như một cỗ máy ngoại giao với miền nguồn có khả năng kết nối, tạo đầu ra, hay nâng cao hiệu suất. Các hành động *“mở rộng”*, *“nâng tầm”* và *“nâng cao hiệu quả”* chính là tối ưu hóa hiệu suất, cải thiện chất lượng, tăng cường sức mạnh của cỗ máy, khiến nó trở nên uy tín hơn, có ảnh hưởng lớn hơn trên các diễn đàn quốc tế. Tính tổng thể của ấn dụ này nằm ở việc các hoạt động đối ngoại, dù là của chính phủ hay Quốc hội, đều là những bộ phận không thể thiếu, đảm bảo sự vận hành trơn tru và mạnh mẽ của *“cỗ máy quốc gia”* trong bối cảnh quốc tế đầy biến động.

4.4. Chủ đề Kinh tế/ Chính trị/ Văn hóa/ Xã hội

4.4.1. Ấn dụ phức tạp liên quan đến thời gian

Cụm từ *“ban hành kịp thời nhiều chủ trương, chính sách quan trọng, có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế-xã hội của đất nước”* là một tuyên bố mạnh mẽ về năng lực quản trị xây dựng trên các ấn dụ ý niệm về thời gian như THỜI GIAN LÀ NGUỒN LỰC (CÓ HẠN) và THỜI GIAN LÀ HÀNG HÓA (CÓ GIÁ TRỊ) (Lakoff & Johnson, 1980, tr.8). *“Kịp thời”* đóng vai trò hạt nhân, kích hoạt những liên tưởng sâu sắc về tính hiệu quả, tầm quan trọng chiến lược và sự nhạy bén trong công tác điều hành đất nước, liên quan mật thiết đến các chủ đề Kinh tế, Chính trị, Xã hội. Thời gian được vật chất hóa qua lăng kính ấn dụ thành một nguồn lực hữu hạn hoặc một loại hàng hóa có giá trị, xuất phát từ trải nghiệm

cơ bản của con người về việc quản lý tài nguyên: giống như nguồn nước hay tiền bạc, thời gian cũng là một thứ có giới hạn, cần được sử dụng khôn ngoan. Việc “*kịp thời*” ban hành chính sách ngụ ý đúng thời điểm “vàng” để quyết sách tạo hiệu quả tối đa và mang lại “*ý nghĩa lớn*” cho sự phát triển. Ngược lại, bất kỳ sự chậm trễ nào cũng có thể dẫn đến việc mất cơ hội, giảm tác động tích cực của chính sách. Điều này đặc biệt quan trọng trong lĩnh vực kinh tế, nơi các quyết định đúng thời điểm có thể thúc đẩy tăng trưởng, thu hút đầu tư, hoặc giải quyết khủng hoảng hiệu quả.

Cụm từ này còn gợi lên ẩn dụ THỜI GIAN LÀ VẬT THỂ CHUYỂN ĐỘNG (Lakoff & Johnson, 1980, tr.42). Các biến động kinh tế và xã hội không đứng yên mà luôn vận động như một con tàu đang chạy hoặc một dòng sông đang chảy xiết. “*Kịp thời*” ban hành chính sách ngụ ý Chính phủ và Quốc hội đã chủ động “bắt kịp” hoặc “đi cùng” với dòng chảy này. Trải nghiệm về việc phải nhanh chân để lên kịp chuyến tàu đang chạy hay phải bơi theo dòng nước để không bị cuốn trôi là cơ sở để chúng ta hiểu được sự cần thiết của việc thích ứng và phản ứng nhanh chóng. Điều này đặc biệt đúng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu biến động, các xu hướng thị trường thay đổi liên tục. Trong lĩnh vực xã hội, việc ban hành chính sách “*kịp thời*” có thể giải quyết các vấn đề nóng, xoa dịu bức xúc, hoặc đáp ứng nhu cầu cấp thiết của người dân, đảm bảo sự ổn định và phát triển hài hòa, mang lại những giá trị bền vững.

Các thành tựu như “*tăng trưởng kinh tế đạt mức cao so với khu vực và thế giới*”, “*văn hóa, xã hội tiếp tục phát triển*”, và “*chính trị xã hội ổn định*”, minh họa rõ nét cách ẩn dụ THỜI GIAN LÀ MỘT VẬT CHỨA (Lakoff & Johnson, 1980, tr.59) được sử dụng để định vị các thành tựu quốc gia, biến các giai đoạn thời gian trừu tượng thành những không gian cụ thể, nơi các sự kiện, quá trình và thành quả được bao hàm. Khi nói về “*tăng trưởng kinh tế đạt mức cao*”, hay “*văn hóa, xã hội tiếp tục phát triển*” và “*chính trị xã hội ổn định*” trong một bối cảnh rộng lớn như bài phát biểu, diễn giả truyền tải thông điệp rằng những thành tựu này đã diễn ra hoặc được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định - một “vật chứa” vô hình. Trong “vật chứa thời gian” đó, những nỗ lực về kinh tế đã được thực hiện, mang lại các con số ấn tượng; các lĩnh vực văn hóa, xã hội đã có những bước tiến liên tục; và hệ thống chính trị xã hội đã duy trì được sự vững chắc. Ẩn dụ này giúp người nghe dễ dàng hình dung và ghi nhận các thành quả như những “vật phẩm” được “chứa đựng” và lưu giữ trong các giai đoạn phát triển đã qua.

4.4.2. Ẩn dụ phức tạp liên quan đến các hệ thống trừu tượng phức tạp

Ẩn dụ HỆ THỐNG TRỪU TƯỢNG PHỨC TẠP LÀ CƠ THỂ NGƯỜI/ CỖ MÁY (Kövecses, 2002, tr.129-133) có miền gốc là một cơ thể sinh học với các bộ phận liên kết chặt chẽ hoặc một cỗ máy tinh vi với các bộ phận cơ khí hoạt động đồng bộ và miền đích là ý niệm trừu tượng về nền kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa hay thậm chí cả một quốc gia. Cụm “*tăng trưởng kinh tế đạt mức cao*” phác họa một cơ thể đang rất khỏe mạnh, hoặc một cỗ máy đang sản xuất hiệu quả. Hành động “*điều chỉnh các mặt của đời sống kinh tế-xã hội*” giống như việc điều chỉnh các bộ phận của một cỗ máy để nó hoạt động trơn tru hơn, hoặc điều chỉnh các chức năng trong một cơ thể để duy trì sức khỏe. Việc “*ban hành kịp thời nhiều chủ trương, chính sách quan trọng, có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế-xã hội của đất nước*” được xem như cung cấp “*dinh dưỡng*” hoặc “ *nhiên liệu*” cần thiết, hoặc “*lập trình*” lại các chức năng để “*cỗ máy*” phát triển đúng hướng. Còn “*đánh giá tình hình kinh tế-xã hội năm 2024 và nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội*” giống như việc kiểm tra sức khỏe định kỳ cho cơ thể hoặc kiểm tra hiệu suất của cỗ máy để đảm bảo nó vẫn vận hành tối ưu và sẵn sàng cho các “*nhiệm vụ*” tiếp theo.

Đối với lĩnh vực chính trị, các biểu đạt “*chỉ đạo cả hệ thống chính trị nỗ lực*”, “*Chính trị xã hội ổn định*”, “*thể hiện sự chủ động đóng góp tích cực của Việt Nam vào nền chính trị thế giới*”, và “*Đây là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị*” đều cùng cổ ẩn dụ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ LÀ CỖ MÁY, là ẩn dụ kéo theo từ ẩn dụ HỆ THỐNG TRỪU TƯỢNG PHỨC TẠP LÀ CỖ MÁY do Kövecses gọi ý (2002, tr.131). Miền nguồn là một cỗ máy (có bánh răng, động cơ...), còn miền đích là ý niệm hệ thống chính trị (gồm Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể) được thiết kế để vận hành đất nước. Việc “*chỉ đạo cả hệ thống chính trị nỗ lực*” giống như việc khởi động và điều khiển các bộ phận của cỗ máy để chúng hoạt động cùng nhau một cách có hệ thống. “*Chính trị xã hội ổn định*” ngụ ý rằng cỗ máy đang vận hành trơn tru. “*Đóng góp tích cực vào nền chính trị thế giới*” không chỉ cần cỗ máy trong nước hoạt động tốt mà còn cần kết nối và tương tác hiệu quả với các “*cỗ*

máy” khác trên trường quốc tế. Khẳng định “*Đây là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị*” nhấn mạnh rằng mọi bộ phận của cỗ máy đều có vai trò quan trọng và phải phối hợp đồng bộ. Qua lăng kính của các ẩn dụ về các hệ thống trừu tượng phức tạp, những ý niệm trừu tượng về sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội trở nên dễ hiểu, dễ hình dung, giúp truyền tải kỳ vọng về hiệu suất, sự phối hợp và mục tiêu hướng tới sự vận hành trơn tru, hiệu quả và bền vững của “cỗ máy quốc gia”.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã nhận diện được các ẩn dụ phức tạp chủ đạo THỜI GIAN LÀ CON ĐƯỜNG VÀ CHÚNG TA DI CHUYỂN THEO NÓ/ THỜI GIAN LÀ VẬT THỂ CHUYỂN ĐỘNG liên quan đến thời gian và các ẩn dụ phức tạp chủ đạo HỆ THỐNG TRỪU TƯỢNG PHỨC TẠP LÀ TÒA NHÀ/ CỐ THỂ NGƯỜI/ CÂY CỎI/ CỖ MÁY liên quan đến các hệ thống trừu tượng phức tạp.

Trong Phát biểu của TBT Tô Lâm, các ẩn dụ ý niệm thực hiện *ba* chức năng nổi bật: định hình nhận thức, thuyết phục và vận động, truyền tải và củng cố ý thức hệ. Đầu tiên, chức năng *định hình nhận thức* được thể hiện rõ qua cách TBT cụ thể hóa các ý niệm trừu tượng, phức tạp. Thay vì dùng những thuật ngữ khô khan, TBT đã biến chúng thành những hình ảnh sống động, dễ hiểu và dễ tiếp cận đối với công chúng. Ví dụ, cụm từ “*kỉ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam*” không chỉ là một tuyên bố về mục tiêu, mà là một ẩn dụ mạnh mẽ định hình nhận thức về một giai đoạn phát triển đầy năng lượng, sự trỗi dậy mạnh mẽ, như một thực thể đang lớn mạnh và khẳng định vị thế. Ẩn dụ này khơi gợi sự lạc quan và niềm tin vào khả năng bứt phá của đất nước. Tương tự, việc mô tả những thách thức hiện tại bằng ẩn dụ “*ba điểm nghẽn lớn nhất hiện nay là thể chế, hạ tầng và nhân lực*, thì thể chế là ‘điểm nghẽn’ của ‘điểm nghẽn’” đã đơn giản hóa một cách hiệu quả các vấn đề phức tạp thành hình ảnh về sự tắc nghẽn trong một dòng chảy. Ẩn dụ này không chỉ giúp công chúng nhận diện vấn đề mà còn ngầm định hướng về bản chất của sự cản trở và sự cấp thiết phải “*khơi thông*”, định vị sự ưu tiên trong giải quyết vấn đề. Những ẩn dụ này kiến tạo một khung nhận thức chung, thống nhất về tình hình và phương hướng.

Thứ hai, chức năng *thuyết phục và vận động* là một trọng tâm khác của các ẩn dụ trong bài phát biểu. Ẩn dụ có khả năng khơi gợi cảm xúc, củng cố niềm tin và thúc đẩy hành động, tạo ra sự đồng thuận trong các tầng lớp xã hội. Khi TBT khẳng định “*Đảng ta đã thể hiện bản lĩnh kiên cường, là một khối thống nhất về ý chí và hành động*”, thì ẩn dụ “*khối thống nhất*” không chỉ mô tả thực trạng mà còn là một công cụ thuyết phục mạnh mẽ về sự vững chắc và khả năng lãnh đạo của Đảng, kêu gọi sự ủng hộ và tin tưởng tuyệt đối. Được dùng để củng cố niềm tin vào sự ổn định và sức mạnh nội tại của hệ thống, ẩn dụ còn được dùng để vận động trách nhiệm. Việc nhấn mạnh “*Trọng trách rất lớn đặt lên vai của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các vị đại biểu Quốc hội và Chính phủ*” không chỉ là sự giao nhiệm vụ mà còn khơi gợi ý thức về gánh nặng và tầm quan trọng của nhiệm vụ, thúc đẩy sự nỗ lực và tinh thần trách nhiệm từ các chủ thể này.

Cuối cùng, chức năng *truyền tải và củng cố ý thức hệ* là một khía cạnh không thể thiếu. Ẩn dụ thường mang dấu ấn sâu sắc của hệ tư tưởng chi phối, củng cố các giá trị và niềm tin cốt lõi trong công chúng. Lời kêu gọi hành động dựa trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh: “*Luôn khắc cốt ghi tâm và thực hiện cho bằng được căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại... “phải ra sức giữ vững nền độc lập cho Tổ quốc, ra sức mưu cầu hạnh phúc cho đồng bào, phải luôn luôn ghi nhớ và thực hành câu: Vì lợi nước, quên lợi nhà; vì lợi chung, quên lợi riêng”*” là một ví dụ nổi bật. Ẩn dụ “*khắc cốt ghi tâm*” không chỉ làm tăng mức độ quan trọng của lời dạy mà còn là một phương tiện mạnh mẽ để truyền tải và tái khẳng định ý thức hệ về lòng yêu nước, sự hy sinh cá nhân vì lợi ích tập thể, và tinh thần phụng sự nhân dân của đại biểu quốc hội.

Các chức năng nổi bật của ẩn dụ trong bài phát biểu của TBT Tô Lâm không chỉ là đặc điểm riêng của diễn ngôn này mà còn phản ánh các vai trò tổng quát của ẩn dụ trong diễn ngôn chính trị trên phạm vi rộng hơn. Thứ nhất, vai trò *định hình và tái khung thực tại chính trị* của ẩn dụ được thể hiện thông qua chức năng định hình nhận thức. Lakoff và Johnson (1980) chỉ ra rằng chúng ta thường hiểu những điều trừu tượng thông qua các ý niệm cụ thể. Bài phát biểu của TBT Tô Lâm tương đồng với kết quả này khi sử dụng “*kỉ nguyên vươn mình*” hay “*điểm nghẽn*” để định hình cách công chúng nhìn nhận sự

phát triển và thách thức. Điều này cho thấy ẩn dụ không chỉ là một cách nói mà là một cách nghĩ, tạo ra một “thực tại” được chia sẻ. Hơn nữa, vai trò này còn bao gồm khả năng tái khung các vấn đề. Việc TBT kêu gọi “*chuyển đổi tư duy xây dựng pháp luật theo hướng... khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực*” là một sự tái khung chiến lược: thay đổi khung nhận thức về vai trò của quản lý nhà nước từ kiểm soát, cấm đoán sang hỗ trợ, thúc đẩy. Nghiên cứu về tái khung trong diễn ngôn chính trị (Musolff, 2012) cũng nhấn mạnh khả năng này của ẩn dụ nhằm chuyển hướng suy nghĩ của công chúng, tạo điều kiện cho các chính sách mới được chấp thuận. Thứ hai, vai trò *thúc đẩy sự đồng thuận và kêu gọi hành động* được hiện thực hóa thông qua chức năng thuyết phục và vận động. Các nhà chính trị sử dụng ẩn dụ để khơi gợi cảm xúc, củng cố sự ủng hộ và vận động quần chúng. Kết quả nghiên cứu của Koller (2020) chỉ ra rằng ẩn dụ có thể làm cho một thông điệp trở nên đáng tin cậy hơn, dễ chấp nhận hơn và mang tính cá nhân hơn. Bài phát biểu của TBT Tô Lâm với ẩn dụ “*khối thống nhất*” của Đảng hay “*trọng trách đặt lên vai*” đều phục vụ mục đích này. Đáng lưu ý là trong diễn ngôn chính trị Việt Nam, vai trò này thường gắn liền với việc xây dựng sự đồng thuận và đoàn kết nội bộ. Thứ ba, vai trò *truyền tải và củng cố hệ tư tưởng* được thực hiện thông qua chức năng truyền tải ý thức hệ. Ẩn dụ không chỉ là công cụ truyền tải ý thức hệ mà còn giúp củng cố và duy trì nó qua thời gian, định hình các giá trị và niềm tin cốt lõi trong xã hội. Việc TBT Tô Lâm trích dẫn và yêu cầu “*khắc cốt ghi tâm*” lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh là minh chứng, cho thấy ẩn dụ là cơ chế then chốt để các giá trị, nguyên tắc cốt lõi của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện và thấm vào thực tiễn chính trị và đời sống xã hội. Cuối cùng, ẩn dụ ý niệm còn đảm nhận vai trò *chỉ đạo và định hướng chính sách* trong diễn ngôn chính trị. Hệ tư tưởng, khi đã được ẩn dụ củng cố và thấm nhuần, sẽ tạo ra một khung tư duy và giá trị nền tảng cho mọi quyết sách. Ẩn dụ không chỉ xây dựng niềm tin và giá trị mà còn trực tiếp dẫn dắt hành động và quyết sách của chính quyền, biến các ý niệm trừu tượng thành lộ trình hành động cụ thể.

Tóm lại, các chức năng nổi bật của ẩn dụ ý niệm trong bài phát biểu của TBT Tô Lâm góp phần làm sáng tỏ vai trò đa diện và không thể thiếu của ẩn dụ trong diễn ngôn chính trị. Từ định hình nhận thức, thuyết phục vận động, đến truyền tải và củng cố ý thức hệ, chỉ đạo và định hướng chính sách ẩn dụ là những công cụ chiến lược mạnh mẽ, đóng góp vào hiệu quả tổng thể của thông điệp chính trị.

Chú thích:

¹ Theo quy ước của ngôn ngữ học tri nhận, chữ in hoa nhỏ dùng cho ẩn dụ ý niệm và chữ in nghiêng cho các biểu thức ngôn ngữ ẩn dụ (Kövecses, 2002, 5).

² https://www.oxfordlearnersdictionaries.com/us/definition/english/discourse_1?q=discourse

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Bích Hạnh (2020), “Ẩn dụ ý niệm “chính trị là trò chơi” trên một số báo mạng tiếng Việt”. Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 7 (300), tr.11-17. <https://hoingonnguhocvietnam.org/an-du-y-niem-chinh-tri-la-tro-choi-tren-mot-so-bao-mang-tieng-viet/>
2. Hồ Thị Thoa (2021), “Một số miền nguồn cơ bản trong diễn ngôn chính trị trên báo Nhân Dân điện tử”. Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 9, tr.59-68.

Tiếng Anh

3. Charteris-Black, J. (2011), *Politicians and rhetoric: The persuasive power of metaphor* (2nd Ed.). Palgrave Macmillan.
4. Fairclough, N. (1995), *Critical discourse analysis: The critical study of language*. Longman.
5. Koller, V. (2020), *Metaphor and Crisis Communication*. Springer.
6. Kövecses, Z. (2002), *Metaphor: A practical introduction*. Oxford University Press.

7. Kövecses, Z. (2010), Metaphor and Culture. *Acta Universitatis Sapientiae, Philologica*, 2(2), 197-220.
8. Lakoff, G., & Johnson, M. (1980), *Metaphors we live by*. University of Chicago Press.
9. Lapka, O. (2021). Language of persuasion: Analysis of conceptual metaphors in political discourse. *The Grove - Working Papers on English Studies*, 28, 85–110. <https://doi.org/10.17561/grove.v28.6607>.
10. Musolff, A. (2012), The concept of ‘political metaphor’: An update. *Metaphor and the Social World*, 2(2), 111-121.
11. Nguyen, T. B. G., & Tran, X. H. (2025). An Analysis of Conceptual Metaphors in Donald Trump’s 2024 Victory Speech. *Studies in Media and Communication*, 13(2), 22-32. <https://doi.org/10.11114/smc.v13i2.7659>.
12. Rechnitzer, E. (2014), Metaphors of Crisis in Political Discourse. In S. Albert & S. O’Brien (Eds.), *Discourse, Power and Protest* (pp.71-86). John Benjamins Publishing Company.
13. Schäffner, C. (1996), Political Speeches and Discourse Analysis. *Current Issues in Language and Society*, 3(3), 201-204. <https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/13520529609615471>.
14. Schäffner, C. (2004), Metaphor in political discourse: Conceptual metaphors and metaphorical expressions. *Journal of Language and Politics*, 3(1), 125-144.
15. Steen, G. J., Dorst, A. G., Herrmann, B., Kaal, A., & Pranger, S. (2010), *A method for linguistic metaphor identification: From MIP to MIPVU*. John Benjamins Publishing Company.
16. Van Dijk, T. A. (1997). What is Political Discourse Analysis? *Belgian Journal of Linguistics*, 11(1), 3-36. <https://doi.org/10.1075/bjl.11.03dij>.

NGŨ LIỆU

Tô Lâm (2025), *Bài phát biểu tại phiên Khai mạc Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV*. https://nhandan.vn/special/phat_bieu_TBT_CTB_T0_Lam_ky_hop_thu_8_quoc_hoi_khoa_XV/index.html.

Conceptual Metaphors in the Remarks by General Secretary To Lam at the 8th Session, 15th National Assembly, 2024

Abstract: This study explores the role of conceptual metaphors in political discourse by analyzing the remarks delivered by General Secretary To Lam at the 8th National Assembly, 15th National Assembly, 2024. Employing a discourse analysis approach based on Conceptual Metaphor Theory (CMT), the study has identified and analyzed complex temporal metaphors such as TIME IS A PATH AND WE MOVE ALONG IT/ TIME IS A MOVING OBJECT and complex metaphors for abstract systems such as ABSTRACT COMPLEX SYSTEMS ARE BUILDINGS/THE HUMAN BODY/PLANTS/MACHINES. Notably, the study emphasizes the Vietnamese cultural imprint with the images of the Dragon and Saint Giong when analyzing the expression “a new era, an era of national rise”. Metaphors in the Remarks not only help to simplify abstract concepts but also effectively perform the function of persuasion and policy orientation. The study contributes to deepening the understanding of the role of metaphors in Vietnamese political discourse.

Key words: conceptual metaphors; Vietnamese cultural imprint; political discourse; policy orientation.